

BA số: 22/2020/DS-ST
Ngày 12 / 5 / 2020
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Tám

1. Ông Huỳnh Hoàng Nam

2. Ông Danh Riêng

- *Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân h:* Không tham gia.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2020/TLST-DS, ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐST-DS, ngày 23 tháng 4 năm 2020 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông T, sinh năm: 1966 (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông N, sinh năm: 1975 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp R, xã Đ, huyện G, Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn ông T trình bày: Ông N có hỏi vay nợ của ông 02 lần với số tiền là 8.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận là 420.000đ/8.000.000đ/tháng, ông N có đóng lãi được 1.000.000đồng rồi ngưng. Nay ông yêu cầu ông N phải trả đủ cho ông 01 lần vốn là 8.000.000đồng và tính lãi theo quy định của Nhà nước từ ngày 01 tháng 9 năm 2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn ông N trình bày: Ông thừa nhận có vay tiền của ông T 02 lần bằng 8.000.000đồng và có đóng lãi được 1.000.000đồng rồi ngưng với lý do là nuôi heo do dịch bệnh chết bị thua lỗ. Nay ông xin được trả dần cứ 6 tháng trả một lần bằng 600.000đồng cho đến khi dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ọc thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về áp dụng pháp luật tố tụng*: Đây là vụ án “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự.

[2] *Về áp dụng pháp luật nội dung*:

- Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về giải quyết vụ án nhưng không đem lại kết quả.

- Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự giữ nguyên yêu cầu.

- Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc ông T và ông N giao dịch vay nợ với nhau trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, theo đó thì các bên đương sự đã đi vào thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ dân sự của mình. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng nợ vay nói trên thì phía bên vay nợ là ông N đã không làm tròn trách nhiệm đối với bên cho vay là ông T là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự, nghĩ nên buộc ông N phải trả cho ông T số tiền vay vốn gốc 8.000.000đ (tám triệu đồng) là phù hợp.

- Đối với yêu cầu tính lãi suất của ông T: Đây là khoản lãi suất của số tiền vay nợ được các chủ thể tham gia một cách tự nguyện thỏa thuận ban đầu cần được ghi nhận. Tuy nhiên, sau đó đến ngày 01 tháng 9 năm 2018 thì việc tự nguyện trên đã chấm dứt vì bên có nghĩa vụ trả nợ không làm tròn trách nhiệm của mình nên phía cho vay yêu cầu tính lãi theo quy định của Nhà nước là phù hợp cần được chấp nhận là phù hợp cụ thể như sau: $8.000.000đ \times 11,4\% \text{ năm (t-ong đ-ong } 0,95\%/\text{tháng}) \times (1/9/2018 \text{ đến } 12/5/2020 \text{ làm tròn } 19 \text{ tháng điều này được nguyên đơn chấp nhận}) = 1.444.000\text{đồng}$. Như vậy, tổng cộng vốn và lãi mà ông N phải trả cho ông T là $(8.000.000đ + 1.444.000đ) = 9.444.000đ$ (chín triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

- Ngoài ra, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đ-ơng sự, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự, kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông N chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi t-ơng ứng đối với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Đối với yêu cầu của ông N là xin được trả dần số tiền nợ cho ông T nhưng không được ông T chấp nhận nên không có cơ sở để xem xét.

[3] *Về án phí*: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về Mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án cụ thể như sau:

- Do yêu cầu của ông T được chấp nhận nên ông T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án

phí số 0003143, ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Ông N phải chịu án phí có giá ngạch 5%: $9.444.000đ \times 5\% = 472.200đ$ làm tròn 472.000đồng

[4] Báo cho các đương sự biết để thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật,

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về Mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” đối với ông N.

2. Xử: Buộc ông N phải trả cho ông T số tiền 9.444.000đ (chín triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

- Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông N chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi t-ong ứng đối với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Án phí:

- Xử: Hoàn trả lại cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003143, ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Xử: Buộc ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 472.000đ (bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

- Báo cho các đương sự đ-ợc biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 12 tháng 5 năm 2020.

Tr-ởng hợp bản án, quyết định đ-ợc thi hành theo quy định tại □iều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng-ời đ-ợc thi hành án dân sự, ng-ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị c-ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án đ-ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh, huyện GR;
- Chi cục thi hành án GR;
- UBND xã, thị trấn;
- Phòng T- pháp GR;
- Đương sự;
- L- u hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

LÊ VĂN TÁM